

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26 /4/ 2018
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thảo;
2. Ông Nguyễn Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2018/TLST- HN&GD ngày 27 tháng 3 năm 2018 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1963, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 295, tổ 6, khóm A, thị trấn S, huyện T, thành phố Cà Mau. Nơi cư trú: tổ 9, khóm T, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang;

Bi đơn: Ông Bùi Hữu Tr, sinh năm 1962, nơi cư trú: tổ 9, khóm T, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà L, ông Tr có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Do mai mối nên bà và ông Tr quen biết nhau và chung sống với nhau năm 2015, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà và ông Lắm không có con chung, mỗi người đều có công việc làm ăn riêng nên không tạo lập tài sản chung. Thời gian chung sống với ông Tr, bà về nhà ông Tr sinh sống, có mua một số vật dụng để sinh hoạt gia đình, giá trị khoảng

50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Thời gian đầu bà và ông Tr sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà về gia đình của bà sống ở Cà Mau khoảng vài tháng nay. Nhận thấy tình cảm của bà đối với ông Tr không còn nên bà yêu cầu ly hôn ông Tr. Riêng đối với vật dụng dùng sinh hoạt trong gia đình trị giá khoảng 50.000.000 đồng, hiện đang ở nhà ông Tr, bà đồng ý tặng cho ông Tr.

- Theo bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Hữu Tr trình bày: Ông và bà L sống chung như vợ chồng năm 2015, không có con chung, không đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân bà L ghen tuông. Vợ chồng sống xa cách nhiều tháng nay. Nay bà L xin ly hôn thì ông đồng ý. Riêng các vật dụng bà L mua để dùng sinh hoạt trong gia đình bà L tặng cho thì ông không có ý kiến gì.

- Bà L và ông Tr không có đăng ký kết hôn, không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không hòa giải.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

- Tại phiên tòa: Các đương sự giữ nguyên ý kiến, yêu cầu.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L, ông Tr chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, áp dụng điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận bà L và ông Tr là vợ chồng.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng: Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tr (cư trú phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc). Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà L yêu cầu ly hôn ông Tr. Bà L, ông Tr cùng thống nhất chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay không đăng ký kết hôn. Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B thì không tìm thấy tên Phạm Thị L và Bùi Hữu Tr trong kết hôn với nhau. Xét thấy, bà L, ông Tr có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Tr theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L, ông Tr cùng thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp; bà L đã nộp đủ án phí.

Ông Tr không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; **điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

[1] Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị L và ông Bùi Hữu Tr là vợ chồng.

[2] Về án phí:

Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2015/0015165 ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Tr không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà L, ông Tr có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát thành phố Châu Đốc;
- Chi cục THA dân sự thành phố Châu Đốc;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Thị Châu Ngọc